TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CỬA LÒ** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 26/5/2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Minh Vỹ và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò tham gia phiên toà: (không)

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cửa Lò xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX-ST ngày 13/5/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: thôn Tân P, xã Hải L, thị xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1977

Nơi ĐKHK: khối 9, phường Nghi H, thị xã Cửa L, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại: trại giam số 6, xã Hạnh L, huyện Thanh C, tỉnh Nghệ An.

(Chị T, anh D vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Phạm Văn D lấy nhau có đăng ký kết hôn vào tháng 05/10/2012 tại UBND xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D phạm tội và bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vì việc này dẫn đến cuộc sống gia đình bị đảo lộn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả chị và anh D đều xác định không thể

tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Phạm Văn D.

Về con chung: giữa chị và anh D có 01 con chung là Phạm Huy L, sinh ngày 14/3/2013. Nếu ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai ngày 12/3/2022, anh Phạm Văn D trình bày:

Anh Phạm Văn D và chị Nguyễn Thị Phương T kết hôn vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện. Vào năm 2013, gia đình anh đã sinh con trai là Phạm Huy L. Cuộc sống gia đình anh ổn định, bình thường.

Đến năm 2020, anh vi phạm pháp luật và phải vào trại giam và hiện nay anh đang cải tạo trại Trại giam số 6. Anh đã tiếp nhận tài liệu, giấy tờ từ Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò. Anh cũng đã nhận được đơn xin ly hôn của Chị T gửi. Từ khi vào trại cải tạo, bản thân anh cũng đã suy nghĩ rất nhiều về vấn đề gia đình, vợ con. Anh cũng đã và đang phấn đấu cải tạo tốt để sớm được sự khoan hồng của Nhà nước, về với xã hội và gia đình, với vợ con. Nhưng hiện nay, Chị T đã có đơn xin li hôn, mà anh đang và sẽ chấp hành án phạt tù tương đối dài năm. Vậy, anh cũng muốn cho vợ anh được giải thoát, được sướng hơn trong cuộc sống. Anh rất an tâm khi vợ anh được hạnh phúc. Nguyện vọng của anh là mong Tòa án gặp chị Nguyễn Thị Phương T hỏi 1 lần cuối: là Chị T muốn li hôn hay không. Nếu Chị T tiếp tục xin li hôn, thì bản thân anh sẵn sàng nhất trí Tòa xử ly hôn vắng mặt anh theo quy định luật hiện hành.

Về con chung: bản thân anh đang chấp hành án, nên để cho Chị T nuôi dưỡng đến khi anh hết án tù.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: anh tự làm anh tự lo, không liên quan gì đến Chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được được ly hôn với anh Phạm Văn D. Anh Phạm Văn D có hộ khẩu thường trú tại khối 9, phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Đây là Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ

hoặc có đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trọng nhận thức, làm chủ hành vi hoặc thuộc khoản 2 Điều 4 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[1.3]. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa, Chị T, anh D vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án Chị T, anh D đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Phương T và anh Phạm Văn D đều thừa nhận việc anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị vào ngày 05 tháng 10 năm 2012. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng Chị T, anh D chung sống hạnh phúc được một thời gian dài (từ năm 2012 - 2020) thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Phạm Văn D vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt tù mức án 14 năm tù. Mặc dù, anh D đang phấn đấu cải tạo tốt để trở về nhà sớm với với vợ con, tuy nhiên Chị T vẫn nhất quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi anh D bị xét xử thì cuộc sống gia đình hoàn toàn bị đảo lộn, mẹ con Chị T phải về ngoại ở Quảng Trị để sinh sống, thời gian chấp hành án của anh D còn rất dài. Từ khi anh D vi phạm pháp luật và thi hành án tại trại giam số 6, cục C10, Bộ công an thì vợ chồng không liên lạc, không có trách nhiệm với nhau. Chị T và anh D không còn sống chung từ năm 2020 nay. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa Chị T và anh D trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của Chị T là phù hợp pháp luật và anh D cũng đồng ý ly hôn nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho Chị T được ly hôn anh D.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Huy L, sinh ngày 14/3/2013. Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Phạm Văn D đều thống nhất sau khi ly hôn giao con chung cho Chị T trực tiếp nuôi con, và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét ý kiến của Chị T, anh D phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huy Long. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Huy Long cho Chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn D.

[2.3].Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Phạm Văn D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3].Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Huy L, sinh ngày 14/3/2013 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn D có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn D.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001086 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Chị T đã nộp đầy đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- Chi cục THADS thị xã Cửa Lò;
- UBND xã hải Lệ, thị xã Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trà Giang